

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-PT

Ngày 19 - 11 - 2025

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Âu.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch.
Ông Nguyễn Hồng Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phan Hoàng Duy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Hoàng Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2025/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 36/2025/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 526/2024/QĐ-PT ngày 04/11/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng H; địa chỉ: số C, đường L, T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng); có mặt.

Bị đơn: ông Trần Anh T; địa chỉ: số F đường T, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (nay là phường B - B, tỉnh Lâm Đồng); có mặt.

Do có kháng cáo của bị đơn ông Trần Anh T.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Anh T kết hôn với nhau vào ngày 17/7/2006, có đăng ký tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu được khoảng 01 năm. Quá trình sống chung, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh T đánh đập chị nhiều lần, chị đã nhiều lần tha thứ và bỏ qua cho anh T để mong muốn con có cha, có mẹ nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày đầu năm 2025 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, không ai còn quan tâm, chăm sóc nhau. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Anh T.

- Về con chung: Có 02 con chung là Trần Lê Nguyễn Thiên N, sinh ngày 10/02/2007 (hiện nay đang ở với anh T) và Trần Lê Hoàng M, sinh ngày 12/10/2020 (hiện nay đang ở với chị H). Khi ly hôn, nguyện vọng của chị yêu cầu được nuôi con chung Trần Lê Hoàng M cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Công việc của chị hiện là nhân viên chăm sóc khách hàng thu nhập ổn định hơn 9.000.000 đồng/01 tháng, đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Con chung Trần Lê Nguyễn Thiên N đã trưởng thành, không thuộc trường hợp cấp dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Anh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị H giống như chị H trình bày. Hiện nay anh không còn tình cảm vợ chồng với chị H nữa. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Có 02 con chung có họ là tên Trần Lê Nguyễn Thiên N, sinh ngày 10/02/2007 (hiện nay đang ở với anh T) và Trần Lê Hoàng M, sinh ngày 12/10/2020 (hiện nay đang ở với chị H). Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con chung Trần Lê Hoàng M cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh là tài xế chạy xe ô tô dịch vụ, thu nhập bình quân 30.000.000 đồng/01 tháng, đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Con chung Trần Lê Nguyễn Thiên N đã trưởng thành, không thuộc trường hợp cấp dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, nay là Tòa án khu vực 4 – Lâm Đồng quyết định: Căn cứ vào Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 51, 55, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H về “Ly hôn và về nuôi con” đối với bị đơn anh Trần Anh T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Trần Anh T.

3. Về con: Giao 01 con chung tên là Trần Lê Hoàng M, sinh ngày 12/10/2020 (hiện nay đang chung sống với chị H) cho chị Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Chị Nguyễn Thị Hồng H đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh Trần Anh T cấp dưỡng.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung, các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, chăm sóc và giáo dục mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 02/7/2025, bị đơn anh Trần Anh T kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn. Hai bên không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết nội dung vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Anh T thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Trần Anh T có 02 con chung là cháu Trần Lê Nguyễn Thiên N, sinh ngày 10/02/2007 (đã thành niên) và Trần Lê Hoàng M, sinh ngày 12/10/2020 (dưới 7 tuổi), Tòa án cấp sơ thẩm giao con chung Trần Lê Hoàng M cho bà H nuôi dưỡng. Ông T kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung là Trần Lê Hoàng M. Xét kháng cáo của ông Trần Anh T thấy rằng: Nguyên vọng xin được nuôi con của ông T là chính đáng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình “*Vợ, chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”.

Bà H và ông T đều có thu nhập ổn định nhưng cả hai đều chưa có nhà riêng mà đang sống cùng bố mẹ. Cháu Trần Lê Hoàng M còn nhỏ, cần có sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ, cháu M là con gái nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M của bà H sẽ tốt hơn, bà H là nhân viên chăm sóc khách hàng nên có điều kiện về mặt thời gian trực tiếp chăm sóc cháu M. Ông T là tài xế lái xe ô tô phải đi thường xuyên nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M sẽ khó khăn hơn. Tòa án cấp sơ thẩm phân tích, nhận định và giao cháu Trần Lê Hoàng M con chung cho bà H chăm sóc nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt đối với con chung và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T cung cấp thêm chứng cứ là 05 hợp đồng vận chuyển hành khách theo hợp đồng. Tuy nhiên, các tài liệu này có giá trị chứng minh về thu nhập của anh T mà không phải chứng minh các điều kiện khác để đảm bảo việc nuôi con, đây không phải là tình tiết mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Trần Anh T mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần con chung.

[4]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Anh T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Anh T về phần con chung. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 36/2025/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng H, xử cho bà Nguyễn Thị Hồng H với ông Trần Anh T ly hôn.

2. Về con chung: Về con: Giao 01 con chung tên là Trần Lê Hoàng M, sinh ngày 12/10/2020 cho bà Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Bà Nguyễn Thị Hồng H đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu ông Trần Anh T cấp dưỡng.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009364 ngày 24/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng nay là khu vực 4 – Lâm Đồng. Ông Trần Anh T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000438 ngày 15/7/2025 tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TPT TANDTC tại tp HCM;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 4 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 4 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hải Âu